BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Kỹ thuật xây dựng **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**31**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					3
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		3
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		3
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		3
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**17**						
14	CO4450	Nhập môn nghề nghiệp	1	5	20				1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		2
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		3
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		3
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**134**						
I. Kiến thức cơ sở nhóm ngành			**9**						
1.1. Kiến thức cơ sở nhóm ngành bắt buộc			**7**						
22	CO7000T	Toán cao cấp	3	45					1
23	CO7002	Vật lý 1	2	30					1
24	CO7103	Hóa đại cương	2	24	12				2
1.2. Kiến thức cơ sở nhóm ngành tự chọn			2						
25	CO7005	Xác suất thống kê	2	30					3
26	CO7106	Vật lý 2	2	30					3
II. Kiến thức cơ sở ngành			**38**						
2.1. Kiến thức cơ sở ngành bắt buộc			**34**						
27	CO7001T	Hình học họa hình - Vẽ Kỹ thuật	3	15	60				1
28	CO7003	Cơ lý thuyết	3	45					1
29	CO7004T	Sức bền vật liệu	3	45			CO7003		2
30	CO7006	Cơ học kết cấu 1	2	30			CO7004T		3
31	CO7007	Cơ học kết cấu 2	3	30	30		CO7006		4
32	CO7008	Vật liệu xây dựng	3	45					2
33	CO7009	Địa chất công trình	2	30					2
34	CO7010	Cơ học đất	3	45			CO7009		3
35	CO7011	Thí nghiệm cơ học đất	2		60		CO7010		4
36	CO7012	Cấu tạo kiến trúc	2	15	30		CO7001T		4
37	CO7013	Máy xây dựng	2	30			CO7003		4
38	CO7014	Thực tập địa chất công trình	2	10	40		CO7009		3
39	CO7015	Thí nghiệm vật liệu	2	10	40		CO7008		3
40	CO7017	Phương pháp luận nghiên cứu khoa học	2	30					2
2.2. Kiến thức cơ sở ngành tự chọn			**4**						
41	CO7016	Địa chất thủy văn	2	30					4
42	CO7018	Môi trường trong xây dựng	2	30					4
43	CO7021	Điện kỹ thuật	2	30					4
44	CO7022	Cấp thoát nước	2	30					5
III. Kiến thức chuyên ngành			**62**						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
3.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**50**						
45	CO7024	Kết cấu bê tông cốt thép 1	3	45			CO7004T CO7006		3
46	CO7025	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 1	2	10	40		CO7024		4
47	CO7026	Kết cấu bê tông cốt thép 2	2	30			CO7004T CO7007 CO7024		4
48	CO7027	Đồ án kết cấu bê tông cốt thép 2	2	10	40		CO7026		5
49	CO7028	Kết cấu thép 1	3	45			CO7004T CO7006		4
50	CO7029	Kết cấu thép 2	2	30			CO7004T CO7006 CO7028		5
51	CO7030	Đồ án kết cấu thép	2	10	40		CO7029		6
52	CO7031	Trắc địa	3	45					5
53	CO7032	Thực tập trắc địa	2	10	40		CO7031		6
54	CO7033	Nền móng	3	45			CO7010		5
55	CO7034	Đồ án Nền móng	2	10	40		CO7033		6
56	CO7035	Kỹ thuật thi công 1	3	45			CO7033 CO7031 CO7013 CO7024		5
57	CO7036	Kỹ thuật thi công 2	2	30			CO7035		6
58	CO7037	Đồ án kỹ thuật thi công	2	10	40		CO7035		7
59	CO7038	Tổ chức thi công	3	45			CO7035 CO7036		6
60	CO7039	Đồ án tổ chức thi công	2	10	40		CO7038		7
61	CO7041	Phương pháp số trong cơ học	2	30			CO7007		6
62	CO7042	Dự toán	2	30			CO7024 CO7026 CO7035 CO7036		6
63	CO7043	Quản lý dự án	2	30			CO7035 CO7036 CO7024 CO7038		5
64	CO7044	Tin học ngành xây dựng	3	10	70		CO7026 CO7029		7
65	CO7045	Công trình trên nền đất yếu	3	45			CO7033 CO7010		6
3.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**12**						
66	CO7046	Chuyên đề kết cấu thép	2	30			CO7028 CO7029		7
67	CO7047	Chuyên đề kết cấu bê tông cốt thép	2	30			CO7026		7
68	CO7050	Chuyên đề kết cấu Nền móng	2	30			CO7033		6
69	CO7053	Chuyên đề tổ chức thi công	2	30			CO7038		7
70	CO7056	Chuyên đề vật liệu mới	2	30			CO7008		5
71	CO7058	Chuyên đề kết cấu nhà cao tầng	2	30			CO7026		7
72	CO7061	Chuyên đề an toàn lao động	2	30			CO7035		5
73	CO7062	BIM trong xây dựng	2	10	40		CO7044		7
IV. Khối kiến thức thực tập nghề nghiệp			**15**						
74	CO7108	Khởi nghiệp xây dựng	2	30					7
75	CO7055	Thực tế công trình	2	30			CO7035		7
76	CO7109	Kỹ năng tìm kiếm việc làm xây dựng	2	30					7
77	CO7791	Thực tập cơ sở	3		90		CO7035 CO7036		8
78	CO7698	Thực tập tốt nghiệp	6	5	170				8
V. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
5.1. Đồ án tốt nghiệp									
79	CO7280	Đồ án tốt nghiệp	10		300				9
5.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp									
80	CO7281	Đồ án Xây dựng	6						9
81	CO7282	Thực hành thiết kế công trình	4						9
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**165**						
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			151						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			123						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			28						